

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

Bản án số: 40/2020/HS-PT
Ngày 27 tháng 5 năm 2020

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Toàn

Các thẩm phán: Ông Tạ Văn Thành
Bà Lê Thị Thu Huyền

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2020/TLPT- HS ngày 23 tháng 3 năm 2020 do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn B. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2020/QĐXXPT-HS, ngày 11 tháng 5 năm 2020.

Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn B**, S ngày 08/08/1988 tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú + chỗ ở hiện nay: Tổ 19, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Xuân T (đã chết) và con bà: Đỗ Thị L, S năm 1959; bị cáo chưa có vợ là Nguyễn Thị T, S năm 1976; bị cáo chưa có con; tiền án: 02 tiền án. Bản án hình sự sơ thẩm số 341/2011/HSSST ngày 29/7/2011 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, xử phạt B 26 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2013/HSSST ngày 29/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội, xử phạt B 08 năm tù về tội “Chứa mại dâm”, bị cáo chưa chấp hành phần truy thu 900.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 24/3/2019; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 17/8/2019, chuyển tạm giam ngày 21/8/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ ngày 17/8/2019 tại tổ 44, khu 5, phường N, thành phố T, tỉnh Phú Thọ, Tổ công tác Công an thành phố T, tỉnh Phú Thọ phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Văn B đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích để bán. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng gồm: 01 túi nilon màu trắng, bên trong có 87 gói giấy hai mặt đều có màu trắng bạc, bên trong mỗi gói đều chứa 01 viên nén hình chữ nhật màu hồng, B khai đây là 87 (tám mươi B) viên ma túy tổng hợp đem đến khu vực Trung tâm Sản nhi thuộc phường N, thành phố T để bán. Tổ công tác Công an thành phố T tiến hành niêm phong vật chứng là 87 viên ma túy tổng hợp của B theo quy định để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 18/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T, tỉnh Phú Thọ ra quyết định trưng cầu giám định 87 viên nén hình chữ nhật màu hồng thu giữ của Nguyễn Văn B.

Tại Bản kết luận giám định số 1049/KLGD ngày 21/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ kết luận: "87 viên nén hình chữ nhật màu hồng gửi đến giám định là ma túy; có khối lượng là: 23,208 gam, loại: MDMA".

** MDMA là chất ma túy nằm trong Danh mục I, số thứ tự 27, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.*

Hoàn lại đối tượng giám định: Trả lại 21,854 gam viên nén màu hồng, cùng toàn bộ bao gói gửi đến giám định được niêm phong, dán kín trong một bì giấy. Bên ngoài bì giấy được đóng 05 hình dấu tròn màu đỏ của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ và chữ ký của các thành phần liên quan tại các mép dán.

Về nguồn gốc số ma túy bị thu giữ, Nguyễn Văn B khai nhận: Khoảng 10 giờ ngày 17/8/2019, B đến nơi ở của Lê Thị H S năm 1986, hộ khẩu thường trú tại khu 5, xã L, thành phố T, tỉnh Phú Thọ, hiện ở tổ 51, khu 5, phường N, thành phố T, tỉnh Phú Thọ, B gặp một người nam giới tên là H (B không biết rõ họ tên, tuổi, địa chỉ ở đâu). Tại đây, ba người bàn nhau mua ma túy tổng hợp (ma túy kẹo) về bán kiếm lời. Sau đó, B gọi điện thoại cho Đàm Thế S S năm 1987, trú tại xã P, huyện T, tỉnh B hỏi mua của S 100 viên ma túy. B và S thống nhất giá là 250.000 đồng/ 01 viên và hẹn nhau tại chỗ ở của H để trao đổi mua bán ma túy. B, H và S thống nhất khi mua được ma túy thì sẽ bán với giá là 400.000 đồng/ 01 viên. Đến 18 giờ cùng ngày, S đến nơi ở của H. Tại đây, S bán cho B và H một túi nilon màu trắng, bên trong có 100 gói giấy có hai mặt màu trắng bạc, bên trong mỗi gói có 01 viên nén hình chữ nhật màu hồng, là ma túy tổng hợp. B và S thống nhất B sẽ trả tiền mua ma túy cho S sau. Một lúc sau, H về và nói B đưa gói ma túy cho H kiểm tra. Khi kiểm tra xong, H nói có khách hỏi mua 100 viên ma túy với giá 400.000 đồng/ 01 viên và nói với B cùng H đi bán số ma túy trên. B đồng ý. Đến khu vực gần Trung tâm Sản nhi thuộc phường N, thành phố T, tỉnh Phú Thọ, H đưa cho B gói ma túy và nói với B đi đến chỗ xe taxi biển kiểm soát 19A-079.95 đang đỗ gần đó để bán ma túy. B cầm gói ma túy H đưa đút vào túi quần rồi đi đến mở cửa xe taxi biển kiểm soát 19A-079.95 do Lê Mạnh Tiến S năm 1981, trú tại khu 2, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Thọ điều khiển đang dừng đỗ thì bị bắt quả tang như đã nêu ở trên.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T đã tiến hành lấy lời khai, tiến hành đối chất giữa S với B; S với H và H với S. Tuy nhiên, Đàm Thế S không thừa nhận việc đã bán ma túy cho B, Lê Thị H không thừa nhận về việc bàn bạc cùng B và H mua ma túy nhằm bán kiếm lời. Ngoài lời khai của B, không có chứng cứ gì để chứng minh vụ việc như lời khai của B nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý S và H về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Đối với người nam giới tên là H, H khai H là bạn trai mới quen của H nên không biết rõ tên tuổi, địa chỉ ở đâu B cũng khai không biết rõ tên tuổi, địa chỉ ở đâu, đồng thời chưa có lời khai của H nên Cơ quan điều tra tách ra để xử lý sau.

Đối với Lê Mạnh Tiến, S năm 1981, trú tại khu 2, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Thọ là người lái xe taxi biển kiểm soát 19A-079.95, Tiến không quen và không biết B mang theo người ma túy lên xe của mình để bán nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Tiến. Nguyên nhân, điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội của Nguyễn Văn B là do B muốn kiếm tiền nên đã đi mua ma túy về bán lại.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2019/HS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ vào điểm i, điểm q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn B 11 (Mười một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 17/8/2019.

Hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 26/02/2020, bị cáo Nguyễn Văn B kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn B. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2020/HS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo Nguyễn Văn B kháng cáo trong hạn luật định, được xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Thọ đã truy tố, không oan sai. Lời khai của bị cáo phù hợp với vật chứng thu được cũng như lời khai của người làm chứng và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Do đó đủ căn cứ cho rằng:

Hồi 21 giờ ngày 17/8/2019 tại tổ 44, khu 5, phường N, thành phố T, tỉnh Phú Thọ, Nguyễn Văn B đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 23,208 gam, loại: MDMA nhằm mục đích để bán, bị Tổ công tác của Công an thành phố T, tỉnh Phú Thọ phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Do vậy, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo B phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Trước lần phạm tội này bị cáo B có 02 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này B phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” cần xử lý nghiêm minh theo quy định tại điểm i, điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng người, đúng tội, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo . Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ về hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét cho hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là ăn năn hối cải, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Hội đồng xét xử sơ thẩm cân nhắc khi quyết định hình phạt cho bị cáo là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo đã không cung cấp được thêm các tài liệu chứng cứ gì mới để bổ sung cho việc xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn B về việc xin giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị bác đơn kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm. Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn B không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn B. Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2020/HS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Thọ.

[2] Căn cứ vào điểm i, điểm q khoản 2 Điều 251; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn B 11 (Mười một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 17/8/2019.

Hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo

[3] Về án phí phúc thẩm: Áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TA; VKSND; CA; Chi cục THADS TP T, tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Toàn